

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1288/2021/KDTM-ST

Ngày: 18/5//2021

*V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. THỦ ĐỨC, TP. HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Phụng
2. Bà Nguyễn Thị Quý

Thư ký Tòa án: Ông Hà Văn Đoàn, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 18/5/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức (chi nhánh 3) – địa chỉ: 18 đường số 6, khu phố 5, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 79/2020/TLST-KDTM ngày 17/11/2020 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1302/2021/QĐXXST-KDTM ngày 01/4/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 2037/2021/QĐST-KDTM ngày 27/4/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH thương mại dịch vụ vận tải T

Địa chỉ: Tổ x, ấp T, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kiều Quốc T

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp y, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai

2. Bị đơn: Công ty TNHH thương mại và đầu tư xây dựng K

Địa chỉ: 401 Quốc Lộ Z, khu phố K, phường L, thành phố T, TP. Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phan Thị Tường V – giám đốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại tòa nguyên đơn Công ty TNHH TM DV vận tải T có đại diện theo ủy quyền Bà Ngô Thị H trình bày:

Vào ngày 14/9/2018, Công ty T và Công ty TNHH thương mại và đầu tư xây dựng K ký kết với nhau Hợp đồng mua bán số 107/2018/HĐMB-TT (về việc mua bán vật liệu xây dựng), với nội dung nguyên đơn bán cho bị đơn số lượng hàng hóa là vật liệu xây dựng tại công trình.

Thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã cung cấp hàng hóa là vật liệu xây dựng cho bị đơn như thỏa thuận vào tháng 09, 10 và 11/2018 và đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn làm cơ sở thanh toán; với số tiền hàng hóa là vật liệu xây dựng đã cấp tính theo đơn giá trên hợp đồng là 146.209.623 đồng và bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 42.380.000 đồng và ngưng không thực hiện tiếp số tiền còn lại là 103.829.623 đồng. Vì vậy nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết:

Buộc bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc còn thiếu là 103.829.623 đồng. Đối với yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán theo hợp đồng là 0,5%/ngày, tại tòa nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Công ty TNHH thương mại và đầu tư xây dựng K (vắng mặt không có lời khai).

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân quận Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào tác tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có mua bán hàng hóa với nhau theo hợp đồng mua bán số 107/2018/HĐMB-TT (về việc mua bán vật liệu xây dựng), ngày 14/9/2018, căn cứ vào thông báo công nợ từ ngày 01/10/2018 đến ngày 20/9/2019 bị đơn xác nhận công nợ 103.829.623 đồng còn thiếu của nguyên đơn; trên cơ sở đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền hành còn thiếu là 103.829.623 đồng. Đối với yêu cầu của nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi suất chậm thanh toán từ ngày 30/9/2020 cho đến khi trả hết công nợ theo quy định tại Điều 2 của hợp đồng hai bên đã ký kết. Tại tòa nguyên đơn rút lại yêu cầu về lãi suất đối với phía bị đơn không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp với quyền tự định đoạt của đương sự, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Công ty TNHH thương mại và đầu tư xây dựng K có địa chỉ trụ sở chính tại: 401 Quốc Lộ Z, khu phố K, phường L, thành phố T, TP. Hồ Chí Minh; nên thẩm quyền giải quyết vụ án này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức; được pháp luật quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo

của Công ty TNHH thương mại dịch vụ vận tải T, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa; được pháp luật quy định tại Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Bị đơn Công ty TNHH thương mại và đầu tư xây dựng K có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Việt H1 nhân danh Công ty TNHH thương mại và đầu tư xây dựng K ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty T. Căn cứ Điều 79 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì việc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng mua bán gắn kết với địa chỉ của pháp nhân theo địa chỉ của pháp nhân tại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH thương mại và đầu tư xây dựng K tại địa chỉ trụ sở chính là số 401 Quốc Lộ Z, khu phố K, phường L, thành phố T. Vì vậy, không cần tổng đạt các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của cá nhân là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH thương mại và đầu tư xây dựng K; bởi lẽ khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự 2015 quy định “Trường hợp một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới”. Tòa án đã thực hiện việc thông báo về việc bị khởi kiện, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý; giấy triệu tập đương sự; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa tại địa chỉ của Công ty TNHH thương mại và đầu tư xây dựng K. Nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH thương mại và đầu tư xây dựng K không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không có lý do, coi như đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với Công ty TNHH thương mại và đầu tư xây dựng K là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4]. Nguyên đơn Công ty TNHH thương mại dịch vụ vận tải T ủy quyền cho bà Ngô Thị H tham gia tố tụng và được Tòa án chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.5]. Về ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức cho rằng Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án sơ thẩm vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử là có cơ sở, nên Thẩm phán cần phải rút kinh nghiệm.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc còn thiếu là 103.829.623 đồng.

Căn cứ vào Hợp đồng mua bán số 107/2018/HĐMB-TT (về việc mua bán vật liệu xây dựng), ngày 14/9/2018 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn có nội dung: ... “Bên A đồng ý bán cho bên B vật liệu xây dựng thành phẩm tại công trình CARSAR ...).

Căn cứ vào các hóa đơn giá trị gia tăng ngày 30/10/2018 có nội dung: “... nguyên đơn xuất hóa đơn bán hàng cho bị đơn với số tiền là 75.679.759 đồng...”; ngày 30/11/2018 có nội dung: “... nguyên đơn xuất hóa đơn bán hàng cho bị đơn với số tiền là 38.149.981 đồng...”;.

Căn cứ vào thông báo công nợ từ ngày 01/10/2018 đến ngày 20/9/2019 Công ty TNHH thương mại và đầu tư xây dựng K xác nhận có nội dung “... xác nhận công nợ 103.829.623 đồng ...”

Thực hiện hợp đồng mua bán, theo đại diện nguyên đơn trình bày; tổng số hàng hóa nguyên đơn bán cho bị đơn là 146.209.623 đồng và bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 42.380.000 đồng và ngưng không thực hiện tiếp số tiền gốc còn lại là 103.829.623 đồng; bị đơn chưa thực hiện, kéo dài thời gian làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[2.2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi suất chậm thanh toán từ ngày 30/9/2020 cho đến khi trả hết công nợ theo quy định tại Điều 2 của hợp đồng hai bên đã ký kết. Tại tòa nguyên đơn rút lại yêu cầu về lãi suất đối với phía bị đơn không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp với quyền tự định đoạt của đương sự, nên được chấp nhận.

[2.3]. Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm cụ thể: Buộc bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc còn thiếu là 103.829.623 đồng. Đình chỉ xét xử yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu tính lãi suất đối với bị đơn.

[3]. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm trong vụ án dân sự: 5.191.481 đồng bị đơn phải chịu. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn số tiền đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 50, 55 và 306 của Luật Thương mại năm 2005.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH thương mại dịch vụ vận tải T tại phiên tòa sơ thẩm cụ thể:

Buộc Công ty TNHH thương mại và đầu tư xây dựng K phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH thương mại dịch vụ vận tải T số tiền còn thiếu là 103.829.623 (một trăm lẻ ba triệu tám trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm hai mươi ba) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi suất chậm thanh toán từ ngày 30/9/2020 cho đến khi trả hết công nợ theo quy định tại Điều 2 của hợp đồng hai bên đã ký kết.

3. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm trong vụ án dân sự là: 5.191.481 (năm triệu một trăm chín mươi một nghìn bốn trăm tám mươi một) đồng Công ty TNHH thương mại và đầu tư xây dựng K phải chịu. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH thương mại

dịch vụ vận tải T số tiền 9.776.249 (chín triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi chín) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0058214 ngày 17/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức (cũ), Tp. Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

5. Quyền yêu cầu thi hành án. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa, đổi bổ sung một số Điều năm 2014)/.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- CC Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Công Tình